

Số: /QĐ-DAGT

Khánh Hòa, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021
của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa; và Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 V/v điều chỉnh khoản 4 điều 1 của Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017;

Căn cứ Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2021 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Phòng Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa (Theo biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phòng trực thuộc Ban và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3; (VBĐT)
- Sở Tài chính; (VBĐT)
- Lưu: VT, HM

Đặng Hữu Tài

Đơn vị: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng
 các Công trình Giao thông Khánh Hòa
 Chương:

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 NĂM 2021**

(Kèm theo quyết định số: /QĐ- DAGT ngày /9/2021)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|------------|--|--------------------------|
| A | DỰ TOÁN THU | |
| I | Tổng số thu: | 5.683.000.621 |
| 1 | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang | 1.474.025.098 |
| 2 | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý | 2.170.381.523 |
| 3 | Dự án bổ sung trong năm (nếu có) | 0 |
| 4 | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp | 1.438.594.000 |
| 5 | Nguồn thu hợp pháp khác | 600.000.000 |
| II | Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng | 0 |
| III | Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II) | 5.683.000.621 |
| B | DỰ TOÁN CHI | 3.207.857.700 |
| I | Chi thường xuyên | 3.177.857.700 |
| 1 | Tiền lương | 1.688.869.940 |
| 2 | Tiền công | 70.626.000 |
| 3 | Các khoản phụ cấp lương | 32.834.000 |
| 4 | Các khoản trích nộp theo lương | 435.527.760 |
| 5 | Chi tiền thưởng | 30.000.000 |
| 6 | Chi phúc lợi tập thể | 50.000.000 |

| TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|-----------|--|--------------------------|
| 7 | Thanh toán dịch vụ công cộng | 150.000.000 |
| 8 | Chi mua vật tư văn phòng | 150.000.000 |
| 9 | Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền | 50.000.000 |
| 10 | Chi hội nghị | 40.000.000 |
| 11 | Chi công tác phí | 150.000.000 |
| 12 | Chi thuê mướn | 20.000.000 |
| 13 | Chi đoàn đi công tác nước ngoài | 0 |
| 14 | Chi đoàn vào | 30.000.000 |
| 15 | Chi khấu hao tài sản cố định | 0 |
| 16 | Chi sửa chữa thường xuyên tài sản | 50.000.000 |
| 17 | Chi phí khác | 200.000.000 |
| 18 | Dự phòng | 30.000.000 |
| II | Chi không thường xuyên | 30.000.000 |
| 1 | Chi đầu tư xây dựng cơ bản | 0 |
| 2 | Chi mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý | 30.000.000 |
| 3 | Chi sửa chữa lớn tài sản cố định | 0 |
| 4 | Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có) | 0 |
| 5 | Chi khác | 0 |